

ĐÀ LẠT TRƯỜNG VÕ BỊ VÀ DẤU BINH LỬA

Nguyễn Mạnh Trinh

Những năm của thập niên 70 có lẽ là những năm đẹp nhất của cuộc đời tôi, vì tuổi mới lớn, nhìn mọi sự việc đơn giản, cái lãng mạn của tuổi trẻ đã mang sự suy nghĩ đi xa hơn thực tế cuộc sống. Lúc ấy, chiến tranh bắt đầu tàn khốc. Những người bạn cùng lớp, có đứa đã mặc quần áo lính và cũng có đứa đã nằm xuống với lá cờ vàng ba sọc đỏ trên mộ và hàng chữ “Tổ Quốc Ghi ơn”.

Vào giảng đường, thi rớt một năm là vào quân trường ngay. Trong cái không khí ấy, chúng tôi đã đọc những trang bút ký chiến tranh của những người đi lính trước, để tưởng tượng ra những khổ nhọc mà sau này, khi đã bắt đầu đoạn đường chiến binh sẽ hiểu thấu. Có những bài viết, làm xúc động sâu xa. Có những câu thơ mang đến sự chia sẻ tốt cùng. Chúng tôi đọc Nguyễn Bắc Sơn. Chúng tôi đọc Phan Nhật Nam. Thấy Chiến Tranh Việt Nam Và Tôi. Thấy Dấu Binh Lửa. Thấy Mùa Hè Đỏ Lửa. Thấy những người chết và những người đang lâm lũ trong khói lửa chiến tranh.

Những bài hát, có hình dáng chiến tranh, có khăn tang cô

phụ, có hình ảnh một thời núi xương sông máu, dù phản chiến hay cổ võ chiến đấu, với lời ca từ làm nhỏ nhẹ chúng tôi. Thân phận con người trong cơn bão lốc như chẳng còn chút giá trị. Viết về một thời đại ấy, là kể lại những kỳ tích mà mấy chục năm sau, lớp tuổi trẻ tiếp theo lớn lên khó tưởng tượng nổi! Dù rằng, những tác phẩm ấy chỉ nói lên một phần không toàn diện cuộc chiến. Một nửa, là dòng chữ Phan Nhật Nam, một nửa là câu văn Bảo Ninh. Bao nhiêu năm qua, thống hận đã hết nhưng đau xót vẫn còn! Những vết thương vẫn chưa lành miệng.

Nhưng, có người nói bây giờ mà đọc bút ký chiến tranh của thời xa xưa ấy thì hơi... chậm tiến. Chiến tranh đã qua lâu lắm rồi, đã hàng nửa thế kỷ, bây giờ nhắc lại có ích gì, như hành động cứ moi mãi vào vết thương tâm của cả một dân tộc.

Viết bút ký chiến tranh, là phản ánh lập trường chính trị một cách chủ quan, chỉ là một cách nhìn của một phía và chỉ soi rọi đến một nửa chân lý mà thôi. Đọc những trang sách viết về chiến tranh, chúng ta có thể rõ ràng mường tượng vị trí chính trị. Từ Phan Nhật Nam đến Bảo Ninh, từ Trần Hoài Thư đến Trần Mạnh Hảo. Dù thời khắc sáng tác có khác, dù hoàn cảnh, môi trường có khác, chiến tuyến có khác, nhưng những dòng chữ viết của họ phần nào nói lên được tâm cảm của người lính trong bão lốc chiến tranh.

Nhưng, trên phương diện văn học sử, những tác phẩm như Dấu Binh Lửa, như Nỗi Buồn Chiến Tranh... chính là những ghi chép lại của tâm tư một thời, những ngày khốc liệt nhất của lịch sử. Khác với vai trò của một văn công tuyên truyền, họ mang cái lửa của những người tuổi trẻ sống trong một thời kỳ không thể có một quyết định nào khác hơn là cầm súng. Những người không thích chém giết mà vẫn phải lao mình vào lửa đạn!

Tôi đọc Phan Nhật Nam trong tâm cảm ấy. Dấu Binh Lửa, Dọc Đường Số 1, Mùa Hè Đỏ Lửa, là những bút ký ghi lại một

thời mà chúng ta đều gắng quên mà phải nhớ! Một thời kỳ mà những suy tư đã dần vất lên những “con người” biết nghĩ đến phát triển lên được! Thực tế lịch sử đã trùng chéo lên nhau, hết mắc mứu này đến liên hệ kia. Những thế lực ngoại quốc chi phối, những tâm cảm bức bối nhược tiểu, những con đường đi ít có ánh sáng mặt trời. Tuổi trẻ bị đẩy vào mê cung và quanh quẩn lông lộn trong những chấn song giới hạn như trong một bầy rệp.

Hình như, bút ký chiến tranh Dấu Binh Lửa đã gây nên rất nhiều phản ứng trong giới cầm bút. Nhà thơ Đỗ Quý Toàn đã cho rằng đây là một kiệt tác viết về chiến tranh. Nhà báo Chu Tử cũng phát biểu như thế. Những dòng chữ, viết bằng máu và mồ hôi của một chiến trận có thực và những phần nộ có thực đã thuyết phục được người đọc. Đến nỗi, những người cầm bút phía đối nghịch bên kia như Tô Hoài và Nguyễn Tuân cũng phải nhận rằng quả thực Phan Nhật Nam đã viết tác phẩm của mình bằng máu, nhưng là một loại máu bị “nhiễm độc”. Và, khi chấm dứt chiến tranh, Phan Nhật Nam đã ném biết bao nhiêu đòn thù, với những ngày biệt giam dài đằng dặc.

Dù ở bất cứ một nhãn quan chính trị nào, ở những kết luận, đều chung một nhận định, chữ viết của Dấu Binh Lửa, Mùa Hè Đỏ Lửa là những dòng chữ của văn chương mang nỗi niềm của tuổi trẻ một thời đại rất là đặc biệt Việt Nam.

Trước khi là lính, Phan Nhật Nam là một sinh viên sĩ quan trường Võ Bị Đà Lạt (Khóa 18). Tôi để ý thấy ông ít tôn sùng một thần tượng nào, nhưng khi nhắc về Trường Mẹ của mình, ông đã viết với sự tôn trọng. Hơn nữa, với cả một tâm tình đầm thắm mà ông đã có từ thuở hoa niên. Những người, mà ông gọi là thầy, là niên trưởng, hay niên đệ, trong văn chương ông, đều có nét chung mang nhân bản của những mẫu người yêu đất nước và mong muốn hòa bình dù phải bắt buộc cầm súng. Những lời ông ngỏ, như những tâm sự gửi đến, để chia sẻ:

“...Tôi ở lính tám năm, năm nay 26 đi lính năm 18. Suốt tám năm của một thời lớn lên, tôi đem tặng hết cho quân đội, không phải đến bây giờ tôi thất vọng chán nản vì công danh không toại ý, cuộc sống bị ép buộc không đúng như mơ ước nên cay cú hằn học với nhà binh. Không như vậy, tôi đi lính năm 18 tuổi vào học trường tình nguyện ra làm ông ‘quan một’ (thiếu úy). Chẳng có ai lôi kéo tôi vào trường ấy, tôi tự động hăng hái hăng diện để trở thành một Sinh Viên Sĩ Quan với ý nghĩ đã chọn đúng cho mình một hướng đi, một chỗ đứng dưới ánh mặt trời mọc.

Tôi có những rung động thật thành thực khi đi trong rừng thông, hương nhựa thông tỏa đặc cả một vùng đồi, sung sướng vì thấy đã đưa tuổi trẻ vào trong một thế giới có đủ mơ mộng và cứng rắn, một thế giới pha trộn những ước mơ lãng mạn hào hùng. Chuyển quân trong sương đêm, trong mây mù, ánh lửa mục tiêu của một đêm đông, trong hốc núi hoang vắng, thế giới mạo hiểm giang hồ của Jack London phảng phất đâu đây. Tôi say mê và thích thú với những khám phá mới mẻ đó. Năng cao nguyên trong những ngày cuối năm vàng tươi rực rỡ, đứng ở đồi nhìn xuống hồ Suối Vàng trong vắt yên lặng, người như muốn tan vỡ thành muôn ngàn mảnh nhỏ theo cơn gió bay chập chờn qua vùng đồi trùng điệp và tan đi trong nước hồ xanh ngắt...”

Không phải cảm giác và tâm tưởng ấy là của riêng tác giả Dấu Binh Lửa, mà hình như của chung những chàng lính “sữa” quân trường Võ Bị Đà Lạt. Huấn nhục không làm voi chất lãng mạn mà còn tạo thành một truyền thống để những



cực nhọc thăng hoa thành những kỷ niệm đẹp một thời.

Đà Lạt, phong cảnh hữu tình, người cũng đẹp và trời đất bốn mùa cũng có nét đẹp cách riêng. Sống ở trong môi trường ấy, óc tưởng tượng đã phát triển để thấy được cái lồng lộng vô biên của cuộc nhân sinh. Thực tế cũng có nhiều trắc trở, ngày tháng rồi sẽ kéo dài những mệt mỏi, nhưng trong rục rờ những hy vọng vẫn là những bản hoan ca của một tuổi trẻ thanh xuân. Không phải là những bài hát mị lính rẻ tiền kiểu “anh tiền tuyến, em hậu phương” mà là những tâm tư chất ngát hùng tráng của những câu thơ hào hùng thuở nào nhắc đến một thời trăng treo vó ngựa. Phan Nhật Nam viết về những ngày ở Trường Mẹ:

“... Phải nói thật những ngày ở lính đầu tiên của tôi đây trong sáng và đẹp đẽ. Trong sáng như giấc mơ của số tuổi 19, giấc mơ mù mờ có cánh chim trắng bay chậm rãi qua rừng thông. Nhưng đời sống nhà binh không hẳn là vậy, nó còn có sĩ quan cán bộ, có nghi lễ, có đủ những phiền toái hỗn độn mà đời sống dân sự không ai nghĩ ra được. Nên khung trời đây sương mù bí mật ngoài khung cửa sổ hiện ra như một thách thức đối với đời sống kìm kẹp của tôi hiện tại.

Đây cũng là một thời gian thật khủng hoảng, mỗi đêm nhìn về phía thành phố đầy ánh đèn tôi không ngủ được, tưởng như có một tiếng gọi của đời sống ở bên ngoài quân ngũ đang nhắc nhở thúc dục, một đời sống thực sự tôi không có.

Từ khung cửa sổ nhìn xuống những triền đồi im lặng chạy dài trong sương mù và đặng xa ánh đèn xanh của vườn Bích Câu ma quái diễm ảo, tôi thấy rõ trong tôi có một nỗi cô đơn khủng khiếp hiện hình sừng sững. Những lúc ấy tôi thấy được con người thực của mình, một gã trai trẻ viễn vông, thấy rõ những cười đùa ban ngày, những buổi học, bữa ăn tập thể không ảnh hưởng gì đến con người trong tôi. Không thể có được một ý niệm về chuyên môn quân sự mà bằng tất cả mọi cách nhà trường cố nhét vào trong đầu óc. Những đội hình tác

chiến, cung cách chỉ huy, chi tiết kỹ thuật về vũ khí trôi qua trí não mơ hồ như một cơn gió nhẹ.

Hai năm sống ở mái trường đó như một cơn gió phiêu du. Những giây phút thực nhất là phiên gác nửa đêm về sáng dưới ánh đèn pha của vọng gác kho đạn, tôi khám phá được một thế giới của cây cỏ đang thở, đang lớn lên, những giây phút khoảng năm giờ sáng, sau phiên gác nhìn xuống phòng sĩ quan trực, người lính kèn im lặng đưa lên môi thổi bài kèn báo thức. Và giây phút thực nhất không gì hơn suốt ngày Chủ Nhật một mình một ngựa chạy như bay vào hướng đồn Daksard. Con đường đỏ còn ướt sương đêm, trời chưa tan hẳn mù, ngựa phi như gió cuốn, ngựa đi vào trong một vùng mù đặc, rừng thông chuyển động ào ào, cả trời cao nguyên tan biến chập chờn theo vó ngựa. Kết quả sau hai năm ăn nhờ chảnh phủ tôi được biến thành ông ‘quan một’ ra trường đi binh chủng hung hãn nhất...”

Vào lửa đạn, đi qua từ những chiến trường này đến trận chiến nọ, trải qua bao nhiêu thăng trầm binh nghiệp, bao nhiêu lần thương tích, bao nhiêu lần thấy cái lý tưởng thời xưa bị vầy đập, vẫn thấy sáng ngời những ngày tháng quân trường, vẫn thấy niềm hãnh diện xuất thân từ ngôi Trường Mẹ vẫn chưa nhạt phai.

“... Tôi ra trường năm 1963, thời gian chiến tranh bắt đầu nặng và hỗn loạn không phải chỉ thuần túy ở sự kiện chiến tranh nhưng đã bắt đầu gây mầm bùng nổ ở lòng người. Lễ tất nhiên là sĩ quan nhà nghề, xuất thân từ quân trường mà quyền hành của khóa đàn anh không phải chỉ để thi hành kỷ luật nhưng là một ám ảnh khủng khiếp cho khóa dưới. Chỉ một cái quắc mắt của Nguyễn Xuân Phúc (Khóa 16) khi bước lên bục gỗ, hai trăm người của khóa tôi co rúm tê liệt như con nai chết trước nhãn quan khủng khiếp của con hổ. Một sinh viên sĩ quan Khóa 19 vì quá sợ niên trưởng nên dù trái lựu đạn đã bật kíp nhưng cũng không dám ném đi vì chưa nhận được lệnh (trong bài học ném lựu đạn tất cả các động tác đều theo lệnh)

nên hậu quả trái đạn nổ trên tay.

Tôi biến thành một người lính thực thụ, trận lớn, trận nhỏ, chiến dịch hai tháng, ba tháng, dài ngắn, từ Sài Gòn trở ra Bến Hải, tôi đi đủ. Những địa danh xa xôi bất kỳ một xó xỉnh hiểm hóc nào của miền Nam nay tôi cũng có thể biết rõ một cách tường tận. Từ những miền quá nổi tiếng như Khe Sanh, Cồn Tiên đến những làng nhỏ từ cửa Việt đi ra: Diêm Hà Trung, Diêm Hà Nam, cái làng nhỏ cuối thung lũng sông Kim Sơn, làng Hà Tây, đèo ông Hồ đổ xuống Phù Cũ ra Phù Ly, Phù Cát thẳng đến biển là núi Lồi, đầm Trà Ổ, xuống phía Nam là đầm Nước Ngọt. Lên đến Pleiku, trực thăng vận xuống phía nam biên giới Lào-Việt đầu ngọn sông Ia-Drang... Đâu đâu tôi cũng đến.

Năm thứ nhất, năm thứ hai, thứ ba tôi sống thoải mái, vì đã đi đủ, nhìn đủ. Tôi cũng chấp nhận cho sự góp mặt ở chiến cuộc. Góp mặt để chấm dứt chiến tranh. Thắng bại không kể, nhưng cốt yếu là không ở ngoài, không chạy trốn trong khi bạn bè những người cùng trang lứa đang tham dự, đang ngã chết. Dù bên này hay bên kia, chết trong thù hận...” Chỉ có người ở trong cuộc mới hiểu được nỗi nhọc nhằn của một cuộc chiến phi lý. Ngoài tiền tuyến hy sinh, trong khi hậu phương thì bị phá nát bởi những tên vô trách nhiệm không một chút ý thức nào về dân tộc và quốc gia.

Có những người trước khi vào lính là những sinh viên hay biểu tình tranh đấu nhưng khi gia nhập quân ngũ lại cảm thấy giận dữ khi máu xương và mồ hôi của mình và đồng ngũ mình bị phí phạm một cách cực kỳ vô ích. Cũng như, có những người lính, sau nhiệm vụ của mình, đã cảm bút như một cách thể để nói lên nỗi niềm tâm sự của mình.

Thú thực tôi cũng không tâm đắc mấy với những ngôn từ như nhà thơ lính, nhà văn lính. Ở một thời kỳ mà tất cả sinh lực, tất cả những tinh hoa của đất nước đều dồn hết vào quân đội thì chữ lính đi sau có phải là thừa thãi không? Nhà văn,

nhà thơ là đủ rồi, hà tất còn phải thêm chữ lính làm gì? Đâu có phải đó là dấu mộc của tấm giấy chứng nhận tại ngũ để trình cho cảnh sát đứng gác đường xét hỏi... Thời chiến tranh, mọi người phải hoàn tất nhiệm vụ của mình với đất nước, với xã hội mình đang sống.

Tôi nghĩ đến cái mộng ước của Đại tá Trần Ngọc Huyền, Chi Huy Trưởng Trường Võ Bị Đà Lạt một thời. Ông muốn hình thành một lớp quý tộc mặc quân phục với tiêu chuẩn văn võ toàn tài. Từ bước đầu rèn luyện ở quân trường, không phải chỉ là những kiến thức về quân sự, về chuyên môn, mà còn cả những phương cách để học làm người nữa. Một mẫu người kiểu mẫu cho một thời đại. Bằng mọi cách, với tất cả nỗ lực ông kiến tạo một tiêu chuẩn mẫu mực mới cho phong cách và chân dung một sĩ quan hiện dịch.

Tiểu là thời gian đã không đủ để có một trải nghiệm chính xác. Nhưng, từ những người con xuất thân từ Trường Mẹ, họ đã không làm phụ lòng những mộng ước mong mỏi trên. Địa linh thì có nhân kiệt. Đinh Lâm Viên vói vọi cao nhưng không phải là chẳng thể vượt qua!

Bây giờ, đọc những trang sách, lại thấy phảng phất đâu đây mùi nhựa thông buổi sáng hay màu hoa quỳ vàng làm ngây ngất lòng người. Cái sương mù bây giờ ở xứ người có làm nhớ đến màn sương mù đặc của Phan Nhật Nam thuở trước? Ai làm người lính gác đêm, nhìn thành phố mờ tỏ ánh đèn có thấy xao xuyến nỗi nhớ mong nào đó? Kỷ niệm sẽ rất đẹp, khi lúc ta đang tuổi xuân, lòng bùng bùng men rượu của cuộc sống sắp đến.

Đà Lạt, nơi có những người lính alpha đỏ trên vai, và những cô gái nữ sinh Bùi Thị Xuân, Couvent des Oiseaux... đây e ấp. Ở đó có những mối tình đẹp nhưng cũng có những cuộc chia tay buồn bã. Hoa mimosa, hoa anh đào, hoa quỳ có một buổi nào nở rộ? Những người lính, lên đường mang giấc mộng của mình đi đến chiến trường, nơi trắng treo vó ngựa, nơi sinh tử

mặt mù.

Và với Phan Nhật Nam, trong câu chuyện kể hoài không đủ, viết ngàn chương thiếu một tờ, biết đâu, về sau, những lớp con trẻ lớn lên đã thấy được những cảnh ngộ của cha ông trong một thời lịch sử có quá nhiều phức tạp...

Ghi chú:



Nhà thơ, nhà biên khảo Nguyễn Mạnh Trinh (1949-2021), một khuôn mặt rất quen thuộc trong giới văn nghệ sĩ vùng Little Saigon, là một người rất trân trọng và quý mến nền văn học VNCH.

Ông sinh tại Hà Nội, lớn lên ở miền Nam. Năm 1969, ông tình nguyện gia nhập Quân Đội Việt Nam Cộng Hòa, phục vụ tại Không Đoàn 60 Bảo Trì Tiếp Liệu thuộc Sư Đoàn 6 Không Quân tại Pleiku từ khi thành lập đơn vị này vào những năm 1971 cho đến ngày tàn cuộc chiến.

Sau biến cố 1975, ông tỵ nạn tại Hoa Kỳ và bắt đầu dần thân vào những sinh hoạt văn học nghệ thuật tại tiểu bang California. Ngoài viết văn và làm thơ, ông thường viết những nhận định văn học liên quan đến tác phẩm của những tác giả nổi danh như Phan Nhật Nam, Song Vũ, Xuân Vũ, Trần Văn Minh, Dương Hùng Cường, Cung Trầm Tưởng, Nguyễn Sa, Vũ Hữu Định, Quang Dũng, Phạm Đình Chương, Phạm Công Thiện, Tô Thùy Yên, Kim Tuấn, Du Tử Lê...

Những bài viết của ông xuất hiện trên hầu hết các tạp chí văn học tại hải ngoại.

Thư Tết Trung Tu

Võ Ý, K17

Xuân là Hy Vọng. Hy vọng một tương lai an vui và sung túc hơn.

Tết là quay về. Quay về với làng quê với tuổi thơ, con phố Quay về với tổ tiên, quyến thuộc, cha mẹ ông bà. Với đồng đội và với vợ con ruột thịt...

Mới đó mà đã 50 năm ngày uất hận của người dân miền Nam, miền Nam yêu dấu!

Cứ mỗi độ Xuân về, nhạc Xuân vang rền, ruột kẻ ly hương càng quặn đau. Nhớ năm đầu lưu đày trên đất Bắc, cái giá buốt của núi rừng đã làm mê muội bao nhân cách. Thâm hiểm nhất vẫn là chủ trương cho tù ăn đói, góp phần bào mòn bản năng biết bao tù khổ sai...

Tết 1976 đó, tại trại giam Yên Bái, tù miền Nam vào rừng chặt nứa, gập chuỗi rừng, họ cắt nguyên tàu lá về lót chỗ nằm, để che chắn gió lùa từ dưới sạp tre thổi lùa lên. Ngay giữa lán, tù đào một lỗ hình chữ nhật dài khoảng 6 tấc, rộng 3 tấc và sâu 3 tấc, rồi chất củi khô đốt lên để sưởi ấm. Các tù thay nhau gác lửa suốt đêm.

Từ trong ngọn lửa, có làn khói bay lên như nén hương và tiếng nổ tíc tắc như tiếng pháo Xuân xưa, là dịp để tôi quay về... Xin mời đọc Thơ Tết Trong Trại Tù

TẾT ĐẦU TIÊN TRẠI TÙ YÊN BÁI

Tuổi tây bẩy sáu Xuân này
Tuổi ta cộng một cho đầy tuổi tôi.
Tuổi con rồng lồi thoi trắng gió
Nỗi niềm riêng biết ngỏ cùng ai?

*Rồng nằm đất ngửa nhìn mây
Không lông không cánh còn bay bóng gì?
Vui Tết đến cười khi một tiếng,
Mừng Xuân sang ăn miếng Mác Lê.*

Ngủ vùi một giấc đê mê,
Bùng con mắt dậy bốn bề núi cao.
Tay mở rộng ôm vào cho chặt
Cả một trời quay quắt ngậm ngùi.

*Đốt lên ánh lửa cho vui,
Lửa cơ hồ dễ luyện trui cõi lòng.
Tiếng nứa nổ pháo hồng rộn rã
Lửa hồng reo khói tỏa hương bay.*

Tưởng chừng quanh quẩn đầu đây
Hồn cha theo gió xum vầy cùng con.
Cả một đời sắt son lận đận
Tóc điểm sương mẹ vẫn trông chờ

*Mẹ ơi con mẹ ngây thơ
Ba mươi bảy tuổi còn mơ mộng nhiều.*

*Này là vợ yêu kiều tha thiết
Thịt xương kia đã quyết cho nhau*

*Em ơi nước chảy qua cầu
Biển dâu kia có trước sau đợi chờ?
Thương xót quá con thơ của bố
Chứa vào đời đã khổ vì cha*

*Nguyện lòng con thắm như hoa
Trẻ thơ xin chớ xót xa vắn hờn
Chào anh mắt như còn lệ ngấn
Để gì không giọt vắn giọt dài*

*Ước gì một hớp rượu cay
Từ lâu quên cả lặn quay đất trời.
Xin được khóc đã đời nghiệp báo
Khóc ngon lành điên đảo thỏa mê*

*Ngủ vui một giấc mê mê
Trống trôn nào sợ Xuân về mặc Xuân!*

Trại Yên Bái 1976



Chiến Khu D - Mật Khu Bất Khả Xâm Phãm của Cộng Sản?

BCD LÊ ĐẮC LỰC

Nếu tính theo đường thẳng thì Chiến khu D cách Sài Gòn chỉ khoảng 60 cây số, cách xuống Biên Hòa khoảng 30 cây số. Vì thế phi trường Biên Hòa luôn là mục tiêu pháo kích của Việt cộng hằng đêm.

Hiệp Định Hòa Bình Paris ký kết đã được một năm, nhưng hai tiếng “hòa bình” trong hiệp định chỉ là cái bình phong để Việt Cộng gây... chiến tranh. Mức độ pháo kích vào phi trường Biên Hòa càng lúc càng gia tăng, khiến Bộ Tư lệnh Quân Đoàn III trở nên “nóng máy”. Không thể để bọn chúng quá lộng hành, phải đánh đấm Việt Cộng này tới tận cùng sào huyệt của chúng, phải nắm thế chủ động trên chiến trường. Nghĩa là Biệt Cách Dù phải vào Chiến khu D, “nắm đầu bọn ngoan cố”.

Áp lực của địch vào Biên Hòa, Sài Gòn là từ Chiến Khu D. Nó không nằm ở đâu xa mà ngay bên cạnh Trị An. Phía Đông của nó là Định Quán trên Quốc Lộ 20, đường đi Đà Lạt, kế là Võ Xu. Phía Nam là Quốc Lộ 1, đoạn Biên Hòa - Long Khánh. Phía Tây Bắc là Đồng Xoài, kéo dài lên tới Bình Long, Phước Long qua tới biên giới xứ Chùa Tháp, có Snoul là nơi từng diễn ra trận đánh lớn khi Quân Đội VNCH tràn qua

Miền năm 1970. Phía Tây là Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương, có Quốc Lộ 22 đường đi Tây Ninh...



Căn cứ hành quân của Liên Đoàn 81 Biệt Cách Nhảy Dù đóng ở Suối Máu, sát nách phi trường Biên Hòa, đã mấy lần ném trái những trận pháo kích 122 ly xuất phát từ trong vùng chiến khu này. Đại Úy Lưu Huyền, Đại Đội Trưởng Đại Đội Thám Sát, đã vĩnh viễn già từ vũ khí vì những một trong những đợt pháo kích này. Liên Đoàn 81 Biệt Cách Nhảy Dù đã vô cùng thương tiếc vì đã mất đi một Anh hùng diệt cộng. Nếu Biệt Kích không đi tìm diệt chúng, biết đâu sẽ còn nhiều chiến hữu của đơn vị cũng sẽ hy sinh.

Thế là Liên Đoàn 81 Biệt Cách Nhảy Dù không thể chần chờ.

Hai Biệt Đội 812 và 813, được chuyển vận đến Chi Khu Công Thanh, từ đó vượt qua sông Đồng Nai vào Xã Thái Hưng, Quận Tân Uyên. Đây là khu định cư của người miền Bắc di cư, là thành trì chống cộng một mắt một còn với CS. Nơi này có ngọn núi Bà Cẩm, cao khoảng 200 mét, được dùng để đặt các trạm thông tin, liên lạc. Xã Thái Hưng nằm về hướng Nam của Chiến Khu D. Bọn Việt Cộng cũng thường về đây phá rối, nên Tiểu Khu Biên Hòa đã điều động một tiểu đoàn Địa Phương Quân đến giữ an ninh và phòng thủ.

Từ xuất phát này, Biệt Đội 812 và 813 đã mở các cuộc hành quân lục soát, truy lùng về hướng Bắc, dọc theo Sông Bé, phát giác các dàn phóng hỏa tiễn làm bằng cây rừng và một vài căn cứ trú phòng bỏ hoang của chúng, đồng thời tổ chức phục kích bắt sống được một số cán bộ địch quân mang về khai thác.

Cũng trong thời gian này, Bộ Chỉ Huy Hành Quân đã thả

các toán Thám Sát vào hoạt động sâu trong Chiến Khu D, ở hướng chính Bắc Thị Xã Định Quán.

Đã mấy ngày trôi qua, các Toán Thám Sát di chuyển theo lộ trình từ Bắc xuôi về Tây Nam, rồi từ Đông sang Tây. Tuy nhiên, các toán cũng chỉ phát giác được các hầm hố, địa đạo, các khu canh tác đã bị bỏ hoang. Có thể Việt Cộng đã dời quân về hướng Tây Bắc Thị Xã Phước Long, hay Đông Bắc Thị Xã Ban Mê Thuột? Thế nhưng, quả thật là bất ngờ! Vào sáng ngày thứ Tư, Chuẩn Ủy Vinh, Trưởng Toán 6 Thám Sát, chuyển công điện, báo cáo về Trung Tâm Hành Quân, là Toán đã khám phá ra một kho vũ khí của Việt Cộng.

Tôi không rõ kế hoạch hành quân Toán của Chuẩn Ủy Vinh như thế nào, chỉ biết đây là một trong hai Toán có nhiệm vụ nhảy vào lòng địch ngay tại Chiến Khu D. Khi Toán của Chuẩn Ủy Vinh tình cờ phát giác ra kho vũ khí của địch thì trong Biệt Đội Thám Sát nổi lên một giai thoại khá kỳ thú về Chuẩn Ủy Vinh, Trưởng Toán 6 Thám sát này.

Khi Toán Chuẩn Ủy Vinh nhận lệnh hành quân, thâm nhập vào chiến khu D, cũng là sào huyệt “bất khả xâm phạm” của Việt của thì các toán trưởng khác đã cười:

- “Thằng này bị đi!”

Thật ra, Chuẩn Ủy Vinh chẳng “quậy phá” gì đâu, cũng giống như các Toán Trưởng khác vậy thôi, khi “vô sự” thì rủ nhau ra Biên Hòa đánh bi-da, xem chiếu bóng hay nhậu nhẹt chơi. Khổ cho anh chàng Chuẩn Ủy Vinh trẻ tuổi có một “em gái hậu phương” nào đó ở Hồ Nai. Hễ mỗi lần anh đứng lên từ giã thì cô nàng mè nheo, thút thít... khóc:

- “Anh đi em buồn lắm!” vân vân và vân vân....

Thế rồi, trước sau gì anh chàng Vinh cũng phải “giã từ em yêu” dù hơi trễ. Tuy không bị phạt, nhưng mỗi lần anh về trễ, không lý cấp chỉ huy không “xài xê” vài ba câu. Việc anh ta lần này có bị “đi” vì cái tội trễ phép hay không, hay chỉ là câu nói bông đùa của mọi người thì chỉ có mình anh biết.

Không như trước kia, mỗi Toán có ba người bạn đồng minh, bây giờ thì chỉ sáu người, toàn là người Việt. Toán của Chuẩn Ủy Vinh, vào xế chiều, được trực thăng thả xuống một bãi trống trong rừng núi Tà Lài, về hướng Đông của Chiến Khu D.

Ba ngày đi từ Đông sang Tây, chẳng thấy động tĩnh gì. Chiều lại, Toán leo lên một ngọn đồi, cây rừng rậm rạp, địa thế thuận lợi để đóng quân qua đêm. Sáng hôm sau, thức dậy sớm. Lợi dụng trời còn mờ hơi sương, Toán chuẩn bị ăn sáng. Lương thực Toán mang theo thường là cá, thịt hộp và gạo sấy, nem phải có chút nước sôi để đổ vào gạo sấy hay hâm nóng hộp cá, thịt. Lửa, thì xử dụng loại “xăng đặc”, một cục to bằng nửa hộp quẹt, bọc hàn kín bằng bao giấy bạc không thấm nước. Chỉ cần xé bao nylon, mở gói giấy bạc và châm lửa.

Nhưng đâu có đơn giản, dễ dàng vậy. Khi cháy, ngọn lửa xăng đặc màu xanh lè, nên địch dễ nhận biết. Do đó, phải đào một cái hố nhỏ, để cục xăng đặc vào đáy hố, đốt lửa, để lon thiếc lên. Khi lửa vừa tắt thì nước sôi, thịt cá cũng nóng. Xong, tắt cả “rác rưởi” cho xuống hố, lấp đất, phủ lá khô lên trên, tránh không cho địch phát giác.

Trước khi lên đường, để thanh toán ba cái thứ thừa thãi đang chất chứa trong người, Chuẩn

Ủy Vinh đi lần theo đỉnh đồi, chừng ba bốn thước. Đến cạnh một bụi cây hoang mọc sát một hốc đá, vừa ngồi xuống, dùng dao đào hố, thì Chuẩn Ủy Vinh bất ngờ nhìn thấy bên trái hốc đá là một cửa hang. Tò mò bước vào Chuẩn Ủy Vinh vô cùng bàng hoàng, sững sốt, miệng há hốc khi nhìn thấy bên trong chứa đầy dẫy, ngổn ngang các loại vũ khí. Vinh tức tốc quay trở lại Toán và báo cáo khẩn cấp về Trung Tâm Hành Quân. Đại Tá Phan Văn Huân Chỉ Huy Trưởng, với kinh nghiệm dày dặn, từng trải trên khắp các chiến trường trận địa, không tin chỉ có một căn hầm, mà còn nhiều căn hầm khác nữa. Đây phải là nơi chúng chôn dấu vũ vũ khí, hỏa tiễn để pháo kích phi trường Biên Hòa. Đại Tá chỉ thị Toán 6 mở rộng

vòng đai, lục soát chung quanh đỉnh đồi. Đúng như tiên đoán của Đại Tá Huân, Toán đã tìm thấy thêm một cửa hầm khác, rồi lại thêm hai ba cửa hầm khác nữa. Chuẩn Úy Vinh vừa vui mừng báo cáo về cho Trung tâm Hành Quân:

- “Cả một đồi toàn hầm vũ khí.”

Bao gạo sấy của Vinh vẫn còn nguyên trong túi quần bên hông. Anh đã quên... ăn sáng mất rồi!

Hai phi đội trực thăng HU.1B được cấp tốc tăng cường. Hai Biệt Đội 813 do Đại Úy Nguyễn Văn Hải chỉ huy và Biệt Đội 814 do tôi chỉ huy được lệnh lên đường khai thác mục tiêu.

Bãi đổ quân hai Biệt Đội 813 và 814 là một trảng trống nằm về hướng Tây, cách ngọn đồi của Chuẩn Úy Vinh khoảng chừng nửa cây số. Theo lệnh hành quân, hai Biệt Đội chia làm hai cánh cùng băng rừng tiến về hướng đồi có kho vũ khí. Biệt Đội 813 lên đến đỉnh đồi sẽ dàn quân trải rộng phòng thủ mặt Tây Nam và Tây Bắc. Biệt Đội 814, sau khi bắt tay với Toán 6 của Chuẩn Úy Vinh, sẽ bố trí ba Trung Đội giữ mặt Đông Bắc và Đông Nam, còn một Trung Đội phối hợp với Toán để kiểm định lại tất cả các hầm vũ khí.

Toàn bộ ngọn đồi là những hầm vũ khí, đạn dược. Mỗi hầm sâu cỡ 2 mét, rộng 3 hoặc 4 mét, trên phủ một lớp nylon và cây lá khá kỹ để che dấu, ngụy trang. Nếu không biết đây là nơi địch chôn dấu vũ khí và quyết tâm đi tìm, chắc cũng khó mà tìm ra các hầm này.

Trong thời gian phòng thủ, chờ đợi các phi đội trực thăng đến chuyển vận chiến lợi phẩm, khoảng quá trưa, một tiếng nổ kinh hoàng long trời lở đất vang lên, mà tôi chưa từng bao giờ nghe đến như vậy, chấn động, vang dội cả khu rừng. Đất đá, cây cối bay tung lên trời và rơi rớt lá chả khắp khu đồi. Một cánh tay và một vài mảnh thịt rớt xuống nằm ngay bên cạnh hố phòng thủ của tôi...

Với phản ứng cổ hữu của một đơn vị trưởng tác chiến, tôi truyền lệnh cho các trung đội sẵn sàng trong tư thế tác chiến,

đề phòng địch sẽ tiếp tục pháo kích và tấn công. Sau nữa giờ trôi qua, chẳng có biến cố gì tiếp diễn. Trong lòng hơi hoảng hốt đôi chút, nhưng định thần lại được ngay, tôi đi về hướng đã phát ra tiếng nổ. Một khoảnh đất rộng bằng nửa sân bóng chuyền bày ra giữa khu rừng, bên trong la liệt xen lẫn cành cây, thùng ống và những mảnh thịt tươi dính đầy đất máu. Vào lúc đó Đại Úy Hải cũng vừa tới để xem xét. Cuối cùng Đại Úy Hải và tôi cùng có chung một kết luận. Nguyên do vụ nổ là do vô ý. Một vài quân nhân trong đó có Trung Sĩ Khru Công Quý Trung Đội Phó, Hạ Sĩ I Phiêu Âm Thoại Viên, thuộc Biệt Đội 814, Thượng Sĩ Khẩn Ban 5, và hai binh sĩ thuộc Biệt Đội 813, trong niềm phấn chấn cao độ đã đến các căn hầm chụp hình lưu niệm, đã vô tình, trèo lên đứng trên các thùng chứa chất nổ, khiến chúng bị kích nhiệt gây nổ tung cả căn hầm. Tất cả đã bị thiệt mạng, xác thân bị tan tành từng mảnh, thật vô cùng thương tâm và oan uổng.

Trước sự kiện thảm khốc này, Đại Tá Chỉ Huy Trưởng Phan Văn Huân lo ngại Việt Cộng khi biết được kho vũ khí đã bị khám phá sẽ tập trung quân để tấn công các Biệt Đội. Ông đã trực tiếp bay lên vùng điều động hai Biệt Đội vừa phòng thủ, vừa chuyển gấp rút tất cả chiến lợi phẩm này ra bãi để trực thăng bốc về Căn Cứ Hành Quân. Tuy nhiên, không thể nào chuyển hết số lượng này bằng trực thăng HU-1B vì số lượng vũ khí quá nhiều. Cả một kho vũ khí bao gồm súng phòng không 12 ly 7, 37 ly, đại liên, trung liên, vô số vũ khí cá nhân B-40, B-41, AK, CKC, mìn bẫy, đạn dược, v.v... Đại Tá Phan Văn Huân phải xin Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn III, điều động thêm các phi đội trực thăng Shinook đến tăng cường. Mãi cho đến tối trời, số vũ khí đã tịch thu mới được chuyển hết về căn cứ hành quân Suối Máu, Biên Hòa.

Khi chiếc Shinook cuối cùng cất cánh an toàn, Đại Tá Huân ra lệnh các Biệt Đội phải cấp tốc triệt thoái về Định Quán, nằm ở hướng Đông Nam khoảng trên 10 cây số. Toàn khu đồi giờ này đã tối hẳn. Con đường rừng mịt mù âm u, ngựa bàn

tay cũng không còn thấy rõ. Bảy giờ, di chuyển giữa rừng già trong đêm tăm tối, điều tôi lo lắng nhất là sợ có anh em binh sĩ không theo kịp, sẽ đi lạc phương hướng. Kinh nghiệm đi rừng trong suốt hai năm là Toán Trưởng Thám Sát Delta, cho tôi một sáng kiến. Các cành cây khô mục rơi rụng trong rừng lâu ngày thường tỏa ra ánh sáng lân tinh vào ban đêm, đem áp dụng vào lúc này thì thật đúng là “ăn mày mà gặp chiếu manh”.



Tôi ra lệnh cho toàn binh sĩ, bốc lấy những cây mục ấy bỏ lên trên nắp ba lô của mình. Người đi sau cứ theo ánh sáng ấy của người đi trước mà nối đuôi nhau, để tránh khỏi bị lạc đường. Đây là một giải pháp quá tuyệt vời. Nhờ cách ấy, Biệt Đội di chuyển trong rừng rậm hiểm hóc, leo đồi, vượt suối suốt đêm, trong khoảng hơn ba giờ đồng. Quân số Biệt Đội vẫn đầy đủ, không một ai thất lạc cả.

Ra khỏi rừng, Biệt Đội phải lội qua một vùng đầm lầy nước lấp xấp tới bụng, lau sậy mọc chằng chịt phải vạch lối mà đi. Không xem bản đồ kịp và cũng không cần thiết, tôi đoán chừng đây là vùng thác Trị An. Tiếp tục, di chuyển, khi trời hừng sáng, Biệt Đội ra tới các khu đồi trồng chuối, đu đủ cách Quốc Lộ 20 chừng 500 mét. Đây là khu vực canh tác của đồng bào Định Quán, lẫn lộn giữa dân cư địa phương và người Bắc di cư. Tôi cho lệnh dừng quân quanh một đồi trồng chuối.

Không lâu sau đó, Biệt Đội 813 của Đại Úy Nguyễn Văn Hải cũng vừa đến và bố trí trong một ngọn đồi trông đu đủ kề cận. Cả hai Biệt Đội đều được lệnh chờ đoàn xe GMC của đơn vị đến đón trở về lại căn cứ hành quân ở Suối Máu, Biên Hòa.

Hai ba ngày sau, cũng ngay tại căn cứ hành quân Suối Máu, Biên Hòa, Trung Tướng Nguyễn Văn Minh, Tư lệnh Quân Đoàn III, cùng một phái đoàn sĩ quan cao cấp của Bộ Tổng Tham Mưu đã đến chủ tọa và tham dự lễ gắn huy chương và đặc cách cấp bậc cho các sĩ quan, hạ sĩ quan, binh sĩ hữu công của Liên Đoàn 81 Biệt Cách Nhảy Dù. Trong dịp này, Đại Úy Hải và tôi cũng được tuyên dương công trạng trước Quân Đội. Đích thân Trung Tướng Tư Lệnh gắn Anh Dũng Bội Tinh với Nhành Dương Liễu lên trên ngực áo chúng tôi. Sau đó Trung Tướng Tư Lệnh và Đại Tá Chỉ Huy Trưởng Phan Văn Huấn đã cắt băng khai mạc khu triển lãm, với hàng ngàn vũ khí chiến lợi phẩm đủ loại của Việt Cộng do Liên Đoàn tịch thu được, lớn nhất từ trước tới nay.

Đài Truyền Hình số 9, Đài Phát Thanh Sài Gòn, Đài Phát Thanh Quân Đội, các phóng viên báo chí của tuần, nhật báo Diều Hâu, Tiền Tuyến, Chiến Sĩ Cộng Hòa, Sóng Thần, Tia Sáng, Trắng Đen đã đến quan sát, quay phim, chụp hình, phỏng vấn Chuẩn Úy Vinh, các toán viên Toán 6 Thăm Sát, Đại Tá Phan Văn Huấn, Đại Úy Hải, và tôi.

Cuộc triển lãm chiến lợi phẩm kéo dài trong suốt một tuần lễ. Các đơn vị bạn thuộc các quân binh chủng trú đóng tại Biệt Khu Thủ Đô, tại Quân Đoàn III, Quân Khu III đều đến tham dự và bày tỏ lòng ngưỡng mộ đối với Liên Đoàn 81 Biệt Cách Nhảy Dù, trước khám phá kho vũ khí của giặc Cộng có một không hai này.

Dù thế nào chăng nữa, chiến công lừng danh này của Liên Đoàn 81 Biệt Cách Nhảy Dù, dù không bẻ gãy mưu đồ phá hoại của địch, thì cũng sẽ làm chậm trễ ý đồ xâm chiếm miền Nam của bọn chúng.



Vấy Tay Ngậm Ngùi

Hương Thủy

(Cho Những Mối Tình Tan Vỡ Vì Thời Cuộc Của K28 Vỡ Bị Đà Lạt.)

Nữ tiếp viên hàng không thông báo 10 phút nữa máy bay sẽ đáp xuống phi trường Phú Bài. Cô mở túi xách lấy cái gương nhỏ soi lại mặt mình. Với mái tóc nâu nhạt vừa được uốn cùng màu son Elizabeth Arden cánh sen duyên dáng, nốt mụn nhỏ sau bao đêm trần trọc đã được khéo léo phủ một lớp phấn mỏng, cô bồn chồn cho cuộc gặp gỡ sau 30 năm.

30 năm. Gặp đôi cuộc tái hội giữa Thúy Kiều và Kim Trọng. Cô cũng không nghĩ mình còn có thể gặp lại anh sau bao nhiêu biến thiên của cuộc đời. Ngày nhắc máy điện thoại, cô hững hờ cất tiếng “A lô” mà không ngờ đầu dây bên kia là anh, người đã ghi những kỷ niệm không quên trong cuộc đời cô.

Cô nhớ mình đã run rẩy khi cái giọng trầm ấm của anh cất lên. Làm sao cô quên được anh. Ngàn lần cô không thể quên.

Xóm Ba cây dừa. Không biết ai đã trồng từ lúc nào để biến nó thành một địa danh quen thuộc của thị xã. Ba cây dừa già lão, nằm nghiêng nghiêng duyên dáng mà vững chãi. Nhà cô ở đấy, căn nhà đầy hoa, nhờ thú vui cây cảnh của người cha.

Giữa đám thực dược, mỏng gà, cúc đại đoá màu sắc rực rỡ là một cây trúc bá diệp xanh ngắt vươn lên bầu trời. Thị thoảng lại có người vào xin một nắm cho bài thuốc nào đấy. Cái hồ nhỏ bên dưới đầy bèo và cá thia đỏ. Nơi đó cô đã lớn lên, đã sống những ngày thiếu nữ hồn nhiên, mơ mộng.

Cô không biết anh chú ý mình khi nào. Chỉ nhớ buổi trưa ấy, “như buổi trưa nhẹ nhẹ trong ca dao” ở thơ Huy Cận, cô vắt vẻo trên cây ôi bên bờ giếng, miệng nhai rau rầu miếng ôi xanh thì bạn cô xuất hiện. Sâm cười tủm tỉm, đặt cuốn sách trên thành bể cho cô rồi vội vã đi. Đó là tập truyện ngắn của nhà văn Hoàng Ngọc Tuấn có cái tựa đề thật dễ thương “Ở Một Nơi Ai Cũng Quen Nhau”. Giữa cuốn sách là bức thư của anh.



Bao nhiêu năm đã trôi qua nhưng cô vẫn nhớ rõ những dòng chữ. Nét chữ đẹp, thanh thoát, cái đuôi sau hơi hất lên. Lá thư không có từ ngữ nào là “yêu” nhưng cô hiểu đó là một bức thư tình. Bức thư tình cô nhận được đầu tiên năm 15 tuổi.

15 tuổi. Ngực cô mới nhú như chũm cau và vẫn là mái tóc bum bê. Cô khó chịu với cái corset bà chị hai bắt mặc. Cô hồn nhiên và chăm học. Mơ ước của cô là sẽ trở thành một giáo sư như những giáo sư thần tượng của cô thời ấy. Ngày hai buổi, cô tung tăng đến trường trong chiếc áo đầm trắng. Năm cuối của bậc Trung Học Đệ Nhất Cấp, cô mong thời gian trôi nhanh để cô lên lớp Đệ Tam, được đổi bảng tên từ thêu đỏ qua thêu xanh, được mặc áo dài thay áo đầm và được coi là... người lớn.

Anh học Ban B, cái ban mà cô hằng ngưỡng mộ. Dân Ban B bao giờ cũng giỏi và có một chút nghệ sĩ tài hoa. Cô chưa học Đệ Nhị Cấp nhưng cô đã có những bài viết trong các tập

san của nhà trường, và cô biết anh qua những tập san ấy.

Cô nhớ cô đã không trả lời thư anh. Cô xấu hổ và không biết viết gì. Nhưng sau đó, mỗi lần gặp nhau, má cô hồng lên. Không có những buổi hẹn hò, không có những bức thư nối tiếp nhưng cô biết mình đã thương anh...

Máy bay ngừng lại trên đường băng. Cô cất chiếc gương vào xách và theo dòng hành khách ra cửa. Cô nghe lòng rộn rã.

Anh đón cô ngay chỗ lấy hành lý. Từ xa cô đã nhận ra dù người anh có hơi đầy. Gần 30 năm rồi còn gì. Nhưng vẫn là anh với những đường nét quen thuộc. Anh ôm choàng lấy cô, hôn tro trát lên mặt lên cổ. Cô búi lấy vai anh lòng nghẹn ngào. Mùi nước hoa CK For Men tỏa ra dịu dàng từ chiếc áo Pull xám.

Anh và cô ngồi quán cà phê ven bờ sông Hương nhìn ra bến đò Thừa Phủ xưa. Mùa Xuân, Huế không mưa nhưng thời tiết se se lạnh. Cô hơi rùng mình. Anh khoác lên vai cô chiếc áo choàng mỏng. Cô như ngửi thấy mùi da thịt của anh. Cuối cùng hai người cũng đã gặp nhau.

Quán vắng khách. Phía góc bên kia cũng chỉ có một đôi nam nữ. Có lẽ họ đang yêu nhau như cô và anh của 30 năm trước. Cô gái mặc chiếc áo màu xanh, sau lưng có dòng chữ bằng tiếng Anh “Let Kiss Me!” Cô nhớ mình và anh chưa hề có với nhau một cái hôn đúng nghĩa.

Anh học giỏi, nhất là Anh Văn. Anh đã hai lần làm chemise với Cô trong kỳ thi lục cá nguyệt. Cô thương anh, thương sự cần cù của chàng trai nghèo đang cố gắng vượt qua hoàn cảnh khó khăn. Khi cô chọn Ban C, chính anh là người đã hướng dẫn cô làm bài luận Anh Văn đầu tiên.

Anh đậu Tú Toàn Phần và vào học Văn Khoa. Cô cũng đậu Tú Tài Bán. Hai người như so kè nhau dù không nói. Rồi đột nhiên, anh quyết định vào trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam cùng anh trai cô. Có lẽ do hoàn cảnh khó khăn hay do lực hấp

dẫn từ bộ Jasper đẹp của những chàng sinh viên Võ Bị khi đi tuyển quân ở các trường Đại Học.

Trước khi đi, anh trao hết cho cô sách vở thời Trung Học với lời nhắn nhủ “Hãy học giùm cho anh!” Cô nhìn theo ngơ ngẩn.

Từ đây cô có hai người đề thương đề nhớ ở KBC 4027.

Qua những bức thư từ cao nguyên, anh gửi cho cô tập ảnh “tang thương” của tám tuần huấn nhục; nụ cười kiêu hãnh khi chinh phục đỉnh Lâm Viên của Đại Đội F; quang cảnh oai hùng và tráng lệ của đêm gần Alfa trên Vũ Đình Trường Lê Lợi. Cô tự hào mình là “người yêu của lính”.

Cô vào Đại Học Sư Phạm như ý nguyện của mình. Thương nhớ cũng làm cô mạnh dạn hơn. Cô viết cho anh những dòng thơ của Nguyên Sa:

“Không có anh lấy ai đưa em đi học về. Lấy ai viết thư cho em mang vào lớp học. Ai lau nước mắt khi em ngồi khóc. Ai đưa em đi chơi trong chiều mưa...”

Cô còn gửi cho anh tấm hình cô mặc áo dài trắng, ngồi xõa tóc ở bậc thềm lăng Tự Đức. Cô đã lớn và không còn mái tóc bum bê.

Thư của anh cũng bắt đầu nói về tương lai. Cô sẽ chọn một ngôi trường Trung Học gần nơi đơn vị anh trú đóng. Anh sẽ về thăm người yêu sau những cuộc hành quân. Kết thúc của một chuyện tình là bằng một đám cưới thời chiến.

Từ lúc nào cô bỗng trở nên mê tin chiến sự. Cô theo dõi những cuộc hành quân lớn như Lam Sơn 719. Cô cảm thấy xót xa khi đọc những dòng Cáo Phó mà người hy sinh là những chàng trai Võ Bị kiêu hùng. Cô bắt chước anh gọi là trường Mẹ. Cô viết các truyện ngắn ca ngợi những mối tình tiền tuyến hậu phương. Cô như thấy mình trong đó.

* * *

Anh và cô đã đan tay nhau đi trên con đường Lê Lợi - con

đường đẹp nhất của thành phố - ước mơ 30 năm qua bây giờ mới thực hiện được. Cô thấy mình như trẻ lại dưới tán lá long não xanh và ngọn đèn vàng. Hai người ngồi hàng giờ ở công viên Tứ Tượng để ngắm cây ngô đồng cuối cùng của Huế. Họ nhìn qua Đại Học Văn Khoa đã trở thành Hotel Sofitel Morin sang trọng. Anh đưa cô đến thăm cô giáo dạy Anh Văn xưa. Anh giới thiệu cô là vợ anh. Mắt cô bừng sáng long lanh. Ôi! Đó là những lời nói dối không có tội. Cô cũng đã có buổi họp mặt với các đồng đội cũ của anh ở một tiệm ăn trong Thành Nội. Một đôi ánh mắt tò mò, nhưng lịch sự. Cả anh và cô đều không giải thích. Không cần phải giải thích. Nhưng cô đã cho một số tiền tip thật hào phóng khi người phục vụ trân trọng gọi anh và cô là “Ông bà”.

Vâng! Đáng lẽ ra anh và cô đã là “Ông Bà” mấy chục năm trước...

Cô không quên được mùa Hè năm ấy. Con đường Thái Phiên đi vào trường Mẹ vi vu tiếng thông reo. Mặt hồ Than Thở một màu xanh phẳng lặng. Hội quán Huỳnh Kim Quang với tiếng hát đón chào thân nhân, bạn bè chiều thứ Bảy. Cô ngồi đối diện anh trai và anh. Về mặt thư sinh ngày nào đã trở nên cương nghị sau gần hai năm lăn lộn thao trường. Anh đen và chững chạc hơn trong bộ quân phục vàng và Alfa đỏ. Anh đưa cô đến cửa hàng của chị Chúc, chị Mai trên đường Duy Tân, gần khu Hòa Bình - cửa hàng quen thuộc có thể ghi sổ của Sinh Viên Sĩ Quan. Anh mua tặng cô một cây bút Pilot màu tím, khắc tên anh và cô cùng KBC 4027. Cô hiểu màu tím, màu của sự thủy chung. Lúc này anh chỉ mới ăn lương trung sĩ.

Gần bảy năm yêu nhau, cô và anh cũng có những giận hờn nho nhỏ. Cô nhói lòng khi nghe có một cô gái Đà Lạt vào thăm anh chiều thứ Bảy. Anh cũng bóng gió khi cô gặp các anh hùng chiến trận để viết phóng sự chiến trường. Nhưng cả hai chưa hề nói nặng nhau một tiếng, chưa bao giờ đề cập sự chia tay.

Đêm Đà Lạt mù sương và lạnh. Không biết bằng cách nào anh đã ra được với cô lúc chín giờ tối. Anh cầm tay cô, bàn tay lạnh buốt dần ấm lại trong tay cô nóng rực. Anh kể chuyện vì lá thư của cô mà anh bị phạt Tác Chiến số 4, mang đủ bộ lệ hành quân, đặt thư cô trên đầu vừa chạy vừa la, “Người Yêu Tôi Đi Lấy Chồng Rồi”. Cô nghe kể mà ứa nước mắt. Cô nép đầu vào ngực anh. Anh đặt nhẹ môi mình trên mái tóc cô. Tiếng gió xào xạc trên rừng thông. Cô biết thế nào là hạnh phúc!

Tháng 10 năm 1974, đáng lẽ cô về Đà Lạt để dự lễ trao nhân cho anh như dự định. Nhưng cô phải đi thực tập tại trường Đồng Khánh Thành Nội. Năm Thứ Ba rồi. Đề tài là “Văn Chương Pháp Cuối XIX - Đầu XX”. Tại sao trong nhóm thực tập ba người chỉ mình cô bốc trúng bài thơ L’Adieu của Apollinaire? Bạn Tường Vy với truyện ngắn Les Étoiles dễ thương của A. Daudet; Kim Chi với Les Grands Coeurs nhân hậu của De Amicis. Còn cô là “Vĩnh Biệt” với những câu thơ sâu thẳm:

*“J’ai cueilli ce brin de bruyère.
L’automne est morte souviens-t’en.
Nous ne nous verrons plus sur terre...”*
*(“Tôi đã hái nhánh cây thạch thảo này.
Hãy nhớ rằng mùa Thu đã chết.
Chúng ta sẽ không bao giờ gặp lại nhau trên trái đất
nữa...”)*

Soeur Madeleine đã thờ dài nhìn cô “Con chọn nhầm một bài thơ quá, hay nhưng quá buồn”...

Mọi người trong gia đình cô đều thương anh. Thôi thì cô nhờ anh rề vậy. Một niên trưởng Khóa 16 trao nhân cho niên đệ Khóa 28 cũng đẹp chứ sao. Sang năm anh sẽ ra đơn vị và cô cũng sẽ tốt nghiệp. Mong ước sắp thành, “Một gian nhà nhỏ đi về có nhau.”

Vậy mà mọi chuyện như một cơn ác mộng. Cô kẹt lại ở Đà

Nặng và xa anh biển biệt. Tháng Tư đen của đất nước. Tháng Tư đen của cuộc đời cô và với nhiều người khác.



Khóa 28 trong lần hội ngộ năm 2015.

Anh kể lại Khóa 28 của anh ra trường ngày 21 tháng Tư năm 1975 tại trường Bộ Binh Long Thành chứ không phải ở Vũ Đình Trường Lê Lợi trên ngọn đồi 1515. Một lễ ra trường độc đáo nhưng buồn nhất trong lịch sử của trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam. Khóa mang tên vị cố Đại Tá Nguyễn Đình Bảo tử thủ căn cứ Charlie, Kontum. Các tân thiếu úy không được mặc đồ đại lễ mà trang phục nón sắt, quân phục Treillis. Thủ Khoa Hồ Thanh Sơn cũng không có cơ hội giương cung tượng trưng chí tang bồng hồ thi... Xe GMC đợi sẵn trước cổng trường sẵn sàng đưa các tân sĩ quan ra trận. Không một giờ phép, không một tiền đưa, không một lời nhắn với người đã từng ước nguyện trăm năm.

Anh chọn binh chủng Biệt Động Quân. Anh được đưa về Bộ Chỉ Huy BĐQ ở trại Đào Bá Phước đường Tô Hiến Thành. Đích thân người anh Cả, Thiếu Tướng Đỗ Kế Giai, Tư Lệnh binh chủng trân trọng bắt tay các tân sĩ quan. Ngày mai anh ra trình diện đơn vị mới là Liên Đoàn 24 BĐQ.

Khi nghe tin Dương Văn Minh đầu hàng, cả quan và lính

đều khóc. Anh và Trung Đội định chạy về Vùng IV theo chân Tướng Nguyễn Khoa Nam, nhưng mới ngang Long An thì nghe tin vị Tướng này đã tuẫn tiết. Một người lính đã đưa anh về quê và theo một chiếc tàu ra khơi. Cuộc đời binh nghiệp của anh vốn vẹn có chín ngày. Sau này, anh đã tìm nhiều cách để liên lạc với cô nhưng bất vô âm tín. Anh không biết rằng gia đình cô phải bán vội bán vàng cơ ngơi để đi kinh tế mới vì cái lý lịch “ngụy quyền, ngụy quân” của cha và anh cô. Ngày xưa, cô thích nghe bản nhạc “Nghìn Trùng Xa Cách” của Phạm Duy và bây giờ cô đã hiểu thế nào là xa cách nghìn trùng.

Cô cúi xuống hôn lên trán anh. Anh của em. Anh mở mắt và ôm choàng lấy cô. Có phải cô đang ở trên thiên đường...

* * *

Từ khung cửa sổ khách sạn, cô nhìn ra sông Hương. Muôn đời dòng sông vẫn lặng lẽ trôi, nhưng lòng cô thì chao nghiêng. Cô đã mơ một lần về Huế cùng anh vài ngày, trong thâm tâm như để bù đắp những mất mát của mối tình đầu, như để kéo dài chút thời gian có thể là lần cuối cùng được gần nhau.

Đêm qua, hai người đã đi lang thang trên những con đường thành phố... Huế thay đổi nhiều quá, mất dần hết những nét u mặc xưa. Ký túc xá cô ở bây giờ trở thành doanh trại quân đội của CS. Các Ma soeur dòng Saint Paul không biết đã về đâu. Cô nhớ nét mặt nghiêm trang của Soeur Chantal trong giờ nguyện ngắm, nụ cười hóm hỉnh của Soeur Madeleine khi đưa cho cô những bức thư màu xanh có hình người sinh viên sĩ quan giương cung, cái huy hiệu rồng ngậm kiếm trên góc trái của trường Võ Bị.

Anh còn muốn đưa cô về Đà Lạt. Họ sẽ đi Vallée D’amour (Thung Lũng Tình Yêu), nơi anh lần đầu cầm tay cô. Họ sẽ ngồi ở hồ Than Thở hoài niệm về một ngôi trường quân sự nổi tiếng và đẹp nhất Đông Nam Á trên ngọn đồi 151. Cô đã từ chối.

Anh đã kể cho cô nghe về người vợ có tấm lòng nhân hậu. Người vợ đồng ý chồng lấy tên người tình xưa đặt cho con gái, và khuyên anh nên về Việt Nam một lần để tìm cô và cũng để tang cho mối tình đầu.

Anh về với cô nhưng anh không còn là của cô. Rõ ràng anh và cô hôm nay không phải là anh và cô của 30 năm trước. Những gì cô áp yêu gìn giữ cũng chỉ là “có còn lại chẳng dư âm thôi” như lời một bài hát. Cả hai người đều là nạn nhân của thời cuộc. Có biết bao nhiêu mối tình đã tan đàn xẻ nghé như anh và cô sau Tháng Tư Đen?

Căn nhà xưa không còn. Ngôi trường cũ cũng thay tên và cuộc đời anh đã sang trang. Thôi thì “*Duyên trăm năm dứt đoạn. Tình muôn thuở còn hương.*”

Cô thần thờ xếp những chiếc áo vào valise. Cô đã có những ngày đẹp nhất dù chỉ ba ngày ngắn ngủi. Ba ngày cho 30 năm chờ đợi. Thế là đủ.

* * *

Xe qua cầu Trường Tiền. Nước mắt cô trào ra nhưng lòng cô thanh thản. Cô khẽ hát:

*“Nghìn trùng xa cách, người cuối chân trời.
Đường dài hạnh phúc, cầu chúc cho người.”*



"Nghe Anh Kể Chuyện Lưu Đầy Khổ Sai"

Cao Văn Hải, Khóa 25

Này em, nép sát vào đây
Nghe anh kể chuyện lưu đầy khổ sai
Của anh, người bị tù đầy
Nhớ về nguồn cội, chân mây vỗ vàng

*Vất cơm nuôi
Không nuôi đủ trí khôn người tù "cải tạo"
Để trí óc mù mờ
Không nhớ lời bác dạy rằng
"Lao động vinh quang
Làm tốt, học tốt
Với sức người,
Sỏi đá cũng thành cơm."*

Em ơi,
Thiên đường lao động vinh quang
Nhặt nhòa trong nước mắt
Khi sức người mòn mỏi
Bàn tay run rẩy
Thì sỏi đá cũng trở gan
Ngai vàng của bác, chỉ có bác
Thiên đường của đảng, duy có đảng
Không cần lao động cũng vinh quang

Trên khổ nhọc gông cùm
Của mồ hôi người tù “cải tạo”
Trên đói khát nhọc nhằn
Của thiếu phụ như em tần tảo nuôi con
Trên vầng trán ngày thơ
Của trẻ thơ, không đánh vằn đúng chữ Việt Nam Vinh Quang
vì bụng đói.

Này em,
Anh lập lại những điều anh nghe thấy
Ở lớp học mỗi đêm
Sau giờ lao động
Cho em nghe
Để cùng anh thấu hiểu
Thiên đường Cộng Sản
Với rừng vàng, biển bạc, đất phì nhiêu.
“Đất nước ta Việt Nam tiên tiến
Là đỉnh cao trí tuệ loài người”
Cán bộ đảng viên uyên bác
Noi gương Bác Hồ
Đánh vắn không ra một chữ
Trước đám đông lớp tù “cải tạo”.

Này em,
Đừng lạ lùng khi nhìn thấy
Người tù cúi mặt
Dấu nụ cười vừa đọng lại trên môi
Khi nghe cán bộ
Dõng dạc điểm danh tù buổi sáng
Um... u... u... Hồ Văn Tên
Anh nào là Hồ Văn Tên?!

Em có hay
Trong giờ chính trị
Đầu óc người tù ngủ trong cơn mộng
Tai vẫn nghe
“Đất nước ta văn minh

Vượt trên đà tiến hóa nhân loại
Qua tiến trình lịch sử
Nước Một Răng Một Rắc
Chiến đấu nổi sôi
Không sánh bằng Việt Nam ta
Bằng súng ngắn, dây thun
Hạ giặc lái máy bay
Bằng bầy ong vò vẽ
“Đánh cho Mỹ cút đánh cho “ngụy” nhào”.

Này Em,
Đừng ngẩn ngơ, đừng trở mắt tròn
Khi nhìn thấy
Người tù như anh chân vẹo chân xiêu
Quang gánh trên vai cả đá lẫn nước
Chỉ vì
Lời cán bộ đảng viên
Lao động sáng tạo theo định chế Ác Chi Me* *
Đá nổi trong thùng nước
Vai anh sẽ nhẹ gánh nhọc nhằn.

Này em,
Anh chỉ thăm thì qua hơi thở
Chỉ anh và chỉ có em nghe
Vách có tai và rừng có mạch
Ghi nhớ điều anh kể em nghe.
Bình minh rạng, em giáo viên tiên tiến
Đêm tối về, em tính chuyện vượt biên
Nơi thâm sơn, anh vượt suối dọn rừng
Hẹn cùng nhau đến thiên đường miên viễn.

**** Archimède (287–212 BC). Cán bộ VC tin rằng đá cho vào nước thì đá sẽ nhẹ hơn, nên khi gánh đá thì thêm nước vào cho người gánh nhẹ bớt! Quả là ngu xuẩn!!! Lẽ dĩ nhiên không nhẹ hơn vì người gánh phải gánh thêm nước!**